**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ MÔN ĐỊA 12**

**Câu 1:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết địa phương nào có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn hơn cả trong số các tỉnh sau?

**A.** Nghệ An. **B.** Quảng Trị. **C.** Quảng Bình. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bình Định. **B.** Phú Yên. **C.** Khánh Hòa. **D.** Quảng Nam.

**Câu 3:** Các trung tâm công nghiệp quan trọng của nước ta tập trung chủ yếu ở

**A.** BTB và ĐBSH. **B.** ĐNB và ĐBSH. **C.** ĐBSCL và ĐBSH. **D.** DHNTB và ĐBSH.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trong các trung tâm kinh tế sau đây, trung tâm nào có quy mô lớn nhất?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Bắc Ninh. **C.** Hải Dương. **D.** Hải Phòng.

**Câu 5:** Mở rộng các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở vùng đồi núi nước ta thực chất giống như việc

**A.** sản xuất lương thực và thực phẩm phục vụ nhu cầu tại chỗ.

**B.** nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng dân cư.

**C.** đảm bảo vấn đề thuỷ lợi.

**D.** phát triển rừng.

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận xét nào sau đây ***không đúng*** về diện tích trồng cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 - 2007?

**A.** Diện tích cây lâu năm tăng liên tục

**B.** Diện tích cây hàng năm tăng liên tục

**C.** Diện tích cây lâu năm luôn lớn hơn cây hàng năm.

**D.** Năm 2007, diện tích cây lâu năm lớn hơn gần 2,2 lần cây hàng năm.

**Câu 7:** Cho bảng số liệu:

 

*(Số liệu theo Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2018

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

**A.** Cao su tăng, điều giảm. **B.** Cao su giảm, điều tăng.

**C.** Điều tăng, chè giảm. **D.** Cao su tăng, chè giảm.

**Câu 8:** Để giảm tình trạng di dân tự do vào các đô thị, giải pháp lâu dài và chủ yếu là

**A.** xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở đô thị.

**B.** hạn chế sự gia tăng dân số tự nhiên cả ở nông thôn và đô thị.

**C.** phát triển mạng lưới đô thị hợp lí đi đôi với xoá đói giảm nghèo ở nông thôn, đẩy mạnh công nghiệp hoá nông thôn.

**D.** phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị để tăng sức chứa dân cư.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh dưới 10% (năm 2007)?

**A.** Cà Mau. **B.** Quảng Bình. **C.** Ninh Thuận. **D.** Bình Dương.

**Câu 10:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay?

**A.** Diện tích mặt nước được mở rộng thêm. **B.** Yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm.

**C.** Nhu cầu khác nhau của các thị trường. **D.** Điều kiện nuôi khác nhau ở các cơ sở.

**Câu 11:** Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC TỪ NĂM 1995 ĐẾN NĂM 2015 (Đơn vị: nghìn tấn)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vùng | 1995 | 2000 | 2005 | 2010 | 2015 |
| Cả nước | 24.963,7 | 32.529,51 | 35.832,9 | 40.005,6 | 45.215,6 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 12.831,7 | 16,702,7 | 19.298,5 | 21,595,6 | 25.699,7 |

Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực cả nước và ĐBSCL 1995-2015?

**A.** Biểu đồ cột. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ tròn. **D.** Biểu đồ miền.

**Câu 12:** Vùng có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta là

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 13:** Đặc điểm nào sau đây ***không đúng*** với ngành chăn nuôi ở nước ta?

**A.** tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.

**B.** số lượng tất cả các loại vật nuôi ở nước ta đều tăng ổn định.

**C.** sản xuất hàng hoá là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.

**D.** hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.

**Câu 14:** Thế mạnh vượt trội để phát triển ngành thuỷ sản ở ĐBSCL so với các vùng khác là

**A.** khai thác thuỷ sản. **B.** bảo quản thuỷ sản. **C.** nuôi trồng thuỷ sản. **D.** chế biến thuỷ sản.

**Câu 15:** Các loại rau vụ đông như su hào, bẳp cải, súp lơ... là thế mạnh của vùng

**A.** ĐBSH. **B.** ĐBSCL. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** TD&MN Bắc Bộ.

**Câu 16:** Căn cứ vào biểu đồ cột thuộc bản đồ Thủy sản (2007) ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, trong giai đoạn 2000-2007, sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta tăng

**A.** Khoảng 3,6 lần. **B.** Khoảng 4,6 lần. **C.** Khoảng 1,6 lần. **D.** Khoảng 2,6 lần.

**Câu 17:** Diện tích tự nhiên, diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước năm 2005, 2014 (đơn vị: nghìn ha)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vùng | Diện tích tự nhiên | Diện tích rừng năm 2005 | Diện tích rừng năm 2014 |
| Vùng Tây Nguyên | 5 446,1 | 2 995,9 | 2 567,1 |
| Cả nước | 331 212 | 12 418,5 | 13 796,5 |

Nhận xét nào sau đây ***không đúng*** với bảng số liệu trên?

**A.** Độ che phủ rừng của Tây Nguyên ngày càng giảm.

**B.** Độ che phủ rừng của Tây Nguyên năm 2005 là 55%.

**C.** Năm 2005, Tây Nguyên chiếm 24,1% diện tích rừng cả nước.

**D.** Tây Nguyên luôn chiếm trên 20% diện tích rừng cả nước.

**Câu 18:** Dân số nước ta có nhiều thành phần dân tộc ***không*** tạo ra thuận lợi nào sau đối với phát triển kinh tế - xã hội?

**A.** Đời sống tinh thần của người dân phong phú. **B.** Kinh nghiệm sản xuất phong phú.

**C.** Tạo tài nguyên nhân văn phát triển du lịch. **D.** Nguồn lao động dồi dào.

**Câu 19:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị đặc biệt?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Hà Nội. **C.** Hạ Long. **D.** Hải Phòng.

**Câu 20:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành được thế hiện ở

**A.** tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**B.** giá trị sản xuất của từng ngành trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**C.** tỉ trọng giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp chế biến trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**D.** tỉ trọng giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp khai thác trong hệ thống các ngành công nghiệp.

**Câu 21:** Theo cách phân loại hiện hành nước ta có

**A.** 3 nhóm với 29 ngành. **B.** 2 nhóm với 28 ngành.

**C.** 4 nhóm với 30 ngành. **D.** 5 nhóm với 31 ngành.

**Câu 22:** Ngành công nghiệp chuyên môn hoá theo hướng Hà Nội – Hải Phòng – Hạ Long – Cẩm Phả là

**A.** khai thác than, hoá chất. **B.** khai thác than, hàng tiêu dùng.

**C.** cơ khí, khai thác than, vật liệu xây dựng. **D.** khai thác than, vật liệu xây dựng.

**Câu 23:** Biện pháp quan trọng nhất để tăng sản lượng lương thực trong điều kiện đất nông nghiệp có hạn ở nước ta là

**A.** đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ.

**B.** khai hoang mở rộng diện tích.

**C.** trồng nhiều cây hoa màu.

**D.** phát triển mô hình kinh tế vườn - ao - chuồng (V.A.C).

**Câu 24:** Đặc điểm không đúng với nguồn lao động nước ta hiện nay là

**A.** nguồn lao động của nước ta rất dồi dào.

**B.** lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất, nhất là trong nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

**C.** cơ cấu lao động theo ngành và theo thành phần kinh tế của nước ta hiện nay có sự chuyển dịch nhanh chóng và mạnh mẽ.

**D.** chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.

**Câu 25:** Mạng lưới đô thị nước ta phân thành mấy cấp?

**A.** 5. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 4.

**Câu 26:** Đặc điểm nào sau đây ***không đúng*** với dân cư nước ta?

**A.** Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.

**B.** Gia tăng dân số giảm nhanh, cơ cấu dân số trẻ.

**C.** Dân cư phân bố đều giữa thành thị và nông thôn.

**D.** Cơ cấu nhóm tuổi trong dân số có sự biển đổi nhanh chóng.

**Câu 27:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, ở trung tâm công nghiệp Vinh ***không có*** ngành nào sau đây?

**A.** Cơ khí. **B.** Sản xuất vật liệu xây dựng.

**C.** Chế biến nông sản. **D.** Dệt, may.

**Câu 28:** Chất lượng nguồn lao động của nước ta được nâng lên nhờ

**A.** việc tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.

**B.** việc đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

**C.** tăng cường giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề trong trường phổ thông.

**D.** những thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

**Câu 29:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất lớn nhất?

**A.** Cần Thơ. **B.** Long Xuyên. **C.** Vũng Tàu. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 30:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy điện nào sau đây là nhà máy nhiệt điện?

**A.** Phả Lại. **B.** Hòa Bình. **C.** Thác Bà. **D.** Tuyên Quang.

**Câu 31:** Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn nước ta hiện nay là

**A.** ra thành phố tìm kiếm việc làm.

**B.** đa dạng hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn.

**C.** tập trung thâm canh và tăng vụ.

**D.** phát triển ngành thủ công nghiệp ở nông thôn.

**Câu 32:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Na Dương thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Ninh. **B.** Hà Giang. **C.** Lạng Sơn. **D.** Cao Bằng.

**Câu 33:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

**A.** cây công nghiệp. **B.** cây rau đậu. **C.** cây ăn quả. **D.** cây lương thực.

**Câu 34:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết các tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng?

**A.** Bình Thuận, Bến Tre. **B.** Khánh Hòa, An Giang.

**C.** Quảng Ngãi, Thanh Hóa. **D.** Bình Định, Bạc Liêu.

**Câu 35:** Đặc điểm **không đúng** với cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế ở nước ta là

**A.** lao động tập trung chủ yếu trong khu vực kinh tế Nhà nước.

**B.** số lao động trong khu vực ngoài Nhà nước tương đối ổn định và luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

**C.** lao động trong khu vực kinh tế Nhà nước có xu hướng ngày càng giảm.

**D.** khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta ngày càng tăng tỉ trọng.

**Câu 36:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng có xu hướng tăng nhanh về tỉ trọng những năm gần đây là

**A.** cây rau đậu và cây lương thực. **B.** cây rau đậu và cây ăn quả.

**C.** cây rau đậu và cây công nghiệp. **D.** cây lương thực và cây công nghiệp.

**Câu 37:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Hà Tĩnh có khu kinh tế ven biển nào sau đây?

**A.** Hòn La. **B.** Nghi Sơn. **C.** Chân Mây - Lăng Cô. **D.** Vũng Áng.

**Câu 38:** Nguyên nhân cơ bản khiến tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn nước ta còn khá cao là do

**A.** tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp, nghề phụ kém phát triển.

**B.** thu nhập của người nông dân thấp, chất lượng cuộc sống không cao.

**C.** cơ sở hạ tầng ở nông thôn, nhất là mạng lưới giao thông kém phát triển.

**D.** ngành dịch vụ kém phát triển.

**Câu 39:** Đặc điểm nào sau đây ***không đúng*** với quá trình đô thị hoá ở nước ta?

**A.** Lối sống thành thị phát triển chậm hơn tốc độ đô thị hoá.

**B.** Diễn ra chậm chạp, còn ở mức rất thấp so với các nước trên thế giới.

**C.** Diễn ra phức tạp và lâu dài.

**D.** Tỉ lệ dân thành thị thấp.

**Câu 40:** Xu hướng biến động của cơ cấu công nghiệp theo ngành là

**A.** thay đổi phù hợp với các điều kiện cụ thể ở ngoài nước.

**B.** thay đổi phù hợp với các điều kiện cụ thể ở trong nước.

**C.** không thay đổi theo thời gian.

**D.** thay đổi phù hợp với các điều kiện cụ thể ở trong và ngoài nước.

**Câu 41:** Nguyên nhân dẫn tới quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ ở nước ta trong thời gian qua là

**A.** mức sống của người dân cao. **B.** công nghiệp hoá phát triển mạnh.

**C.** kinh tế phát triển nhanh. **D.** quá trình đô thị hoá tự phát.

**Câu 42:** Cây nào sau đây ở nước ta thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm?

**A.** Dừa. **B.** Mía. **C.** Hồ tiêu. **D.** Cà phê.

**Câu 43:** Ngành chăn nuôi lợn của nước ta tập trung ở những vùng

**A.** có mật độ dân số cao. **B.** có điều kiện khí hậu ổn định.

**C.** ven biển có nghề cá phát triển. **D.** trọng điểm lương thực, thực phẩm và đông dân.

**Câu 44:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây là

**A.** ngư dân có nhiều kinh nghiệm. **B.** mở rộng thị trường.

**C.** phát triển công nghiệp chế biến. **D.** tăng số lượng tàu thuyền và công suất của tàu.

**Câu 45:** Ý nào sau đây ***không phải*** là nguyên nhân làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

**A.** Áp dụng tiến bộ kĩ thuật trong bảo quản, chế biến sản phẩm.

**B.** Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng.

**C.** Môi trường biển ngày càng được cải thiện.

**D.** Các phương tiện được trang bị ngày càng tốt hơn.

**Câu 46:** Xu hướng thay đổi cơ cấu mùa vụ lúa ở ĐBSCL và DHMT trong những năm qua là

**A.** giảm diện tích lúa mùa, tăng diện tích lúa hè thu.

**B.** tăng diện tích lúa đông xuân, giảm diện tích lúa hè thu.

**C.** giảm diện tích lúa đông xuân, tăng diện tích lúa mùa.

**D.** tăng diện tích lúa mùa và lúa hè thu.

**Câu 47:** Nguyên nhân chính khiến diện tích rừng của nước ta có xu hướng tăng trở lại trong những năm gần đây là

**A.** sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương

**B.** sự hạn chế du canh, du cư của đồng bào dân tộc.

**C.** trồng rừng và chính sách giao đất giao rừng tới từng hộ nông dân.

**D.** chiến tranh kết thúc.

**Câu 48:** Cho biểu đồ:



*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta năm 2018 so với năm 2010?

**A.** Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.

**B.** Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.

**C.** Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.

**D.** Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.

**Câu 49:** Vùng có giá trị sản xuất công nghiệp đứng đầu cả nước hiện nay là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** ĐBSH. **C.** DHMT. **D.** ĐBSCL.

**Câu 50:** Ngành công nghiệp chuyên môn hoá theo hướng Hà Nội – Nam Định – Ninh Bình – Thanh Hoá là

**A.** dệt - may, phân bón, điện. **B.** dệt - may, xi măng, phân bón.

**C.** cơ khí, dệt - may, phân bón. **D.** dệt - may, điện, vật liệu xây dựng.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, xác định vườn quốc gia nào không thuộc vùng Tây Nguyên?

**A.** Chư Yang Sin. **B.** Pù Mát. **C.** Chư Mom Ray. **D.** Yok Đôn.

**Câu 52:** Ưu thế phát triển tập đoàn cây vụ đông ở ĐBSH dựa trên thế mạnh về

**A.** nhu cầu tiêu thụ lớn.

**B.** đồng bằng có diện tích lớn.

**C.** có mùa đông lạnh dưới 18 độ kéo dài 2-3 tháng.

**D.** đất phù sa màu mỡ.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp có ngành sản xuất ô tô ở nứớc ta (năm 2007) là

**A.** Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. **B.** Hà Nội, Đà Nẵng.

**C.** Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh. **D.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hai đô thị có quy mô dân số (năm 2007) lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** Việt Trì, Bắc Giang. **B.** Thái Nguyên, Việt Trì.

**C.** Lạng Sơn, Việt Trì. **D.** Thái Nguyên, Hạ Long.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất?

**A.** Bình Định. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Nghệ An. **D.** Phú Yên.

**Câu 56:** Căn cứ vào bản đồ Lâm nghiệp ở Atlat trang 20, các tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ở mức trên 60 % năm 2007 là

**A.** Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Phú Yên.

**B.** Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu.

**C.** Tuyên Quang, Quảng Bình, Kom Tum, Lâm Đồng.

**D.** Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Cao Bằng.

**Câu 57:** Các VQG như Cát Bà, Tam Đảo, Cúc Phương, Bạch Mã, Nam Cát Tiên... thuộc nhóm

**A.** rừng phòng hộ. **B.** rừng sản xuất.

**C.** rừng bảo vệ nghiêm ngặt. **D.** rừng đặc dụng.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Bình Định?

**A.** Tuy Hòa. **B.** Quy Nhơn. **C.** Tam Kỳ. **D.** An Khê.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết trâu được nuôi nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng Sông Hồng.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 60:** Căn cứ vào bản đồ Chăn nuôi ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hai tỉnh có số lượng trâu và bò (năm 2007) lớn nhất nước ta là:

**A.** Quảng Ngãi, Thanh Hoá. **B.** Nghệ An, Quảng Nam.

**C.** Thanh Hoá, Bình Định. **D.** Thanh Hoá, Nghệ An.

**Câu 61:** Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta hiện nay là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** ĐBSH **C.** DHMT. **D.** ĐBSCL.

**Câu 62:** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là

**A.** Tây Nguyên và DHNTB. **B.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

**C.** TD&MN Bắc Bộ và Tây Nguyên **D.** Đông Nam Bộ và TD&MN Bắc Bộ.

**Câu 63:** Sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là cơ sở để

**A.** phát triển các ngành công nghiệp nặng.

**B.** phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng.

**C.** phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng.

**D.** phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.

**Câu 64:** Phát biểu nào sau đây ***không đúng*** với đặc điểm dân tộc của nước ta?

**A.** Mức sống của một bộ phận dân tộc ít người còn thấp.

**B.** Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ lớn nhất trong số dân.

**C.** Các dân tộc ít người sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

**D.** Có nhiều thành phần dân tộc, bản sắc văn hóa đa dạng.

**Câu 65:** Vùng có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất để phát triển nuôi trồng thuỷ sản ở nước ta là

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** ĐBSCL. **C.** ĐBSH. **D.** DHNTB.

**Câu 66:** Đặc điểm không đúng về chất lượng nguồn lao động của nước ta là

**A.** có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

**B.** có tác phong công nghiệp, chuyên nghiệp.

**C.** chất lượng nguồn lao động đang ngày càng được nâng lên.

**D.** cần cù, sáng tạo, ham học hỏi.

**Câu 67:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị được xếp theo thứ tự giảm dần về quy mô dân số ở vùng Đông Nam Bộ (năm 2017) là?

**A.** TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**B.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.

**C.** TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**D.** TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

**Câu 68:** Cho Cho biểu đồ về muối biển và nước mắm của nước ta giai đoạn 2014 – 2018:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Chuyển dịch cơ cấu sản lượng muối biển và nước mắm.

**B.** Cơ cấu sản lượng muối biển và nước mắm.

**C.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng muối biển và nước mắm.

**D.** Quy mô sản lượng muối biển và nước mắm.

**Câu 69:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết nhận xét nào sau đây ***không đúng*** với nông nghiệp nước ta?

**A.** Điều được trồng nhiều ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Hồng.

**B.** Lúa được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Cao su được trồng nhiều ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

**D.** Chè được trồng nhiều ở Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 70:** Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2014 (Đơn vị: %)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2014 |
| Lúa đông xuân | 41,2 | 39,9 |
| Lúa hè thu | 32,5 | 35,0 |
| Lúa mùa | 26,3 | 25,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)*

Để thể hiện cơ cấu diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta, năm 2010 và 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ đường. **B.** Biểu đồ cột. **C.** Biểu đồ tròn. **D.** Biểu đồ miền.

**Câu71:** Cho biểu đồ:



Tên biểu đồ sẽ là ?

**A.** Giá trị kinh tế nướcta năm 2005 và 2014

**B.** Tốc độ phát triển kinh tế nước ta từ năm 2005 đến 2014.

**C.** Cơ cấu kinh tế nước ta năm 2005 và năm 2014.

**D.** Cơ cấu công nghiệp nước ta năm 2005 đến 2014.

**Câu 72:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng?

**A.** Bến Tre. **B.** Bạc Liêu. **C.** Bình Thuận. **D.** Sóc Trăng.

**Câu73:** Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra

**A.** ngập lụt. **B.** lũ quét. **C.** động đất. **D.** sóng thần.

**Câu 74:** Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp xay xát?

**A.** Cà phê nhân. **B.** Nước mắm. **C.** Đường mía. **D.** Gạo, ngô.

**Câu75:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Nam Trung Bộ?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Nha Trang. **C.** Đồng Hới. **D.** Cần Thơ.

**Câu 76:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

**A.** Braian. **B.** Bà Rá. **C.** Bi Doup. **D.** Lang Bian.

**Câu 77:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

**A.** Đà Lạt. **B.** Cần Thơ. **C.** Hà Nội. **D.** Nha Trang.

**Câu 78:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất?

**A.** Bình Định. **B.** Quảng Bình. **C.** Quảng Nam. **D.** Nghệ An.

**Câu 79:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Bỉm Sơn có ngành nào sau đây?

**A.** Dệt, may. **B.** Cơ khí. **C.** Đóng tàu. **D.** Luyện kim màu.

**Câu 80:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biếttrung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

**A.** Vũng Tàu. **B.** Biên Hòa. **C.** TP. Hồ Chí Minh. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 81:** Đồng bằng sông có nhiều thuận lợi để

**A.** khai thác dầu mỏ. **B.** phát triển thủy điện. **C.** trồng cây hàng năm. **D.**khai thác sắt.

**Câu 82:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhà máy thủy điện nào sau đây?

**A.** Xê Xan 3A. **B.** A Vương. **C.** Xê Xan 3. **D.** Yaly.

**Câu 83:** Viễn thông nước ta hiện nay **không** phải là ngành

**A.** hội nhập với mạng lưới quốc tế. **B.** phân bố đều ở các địa phương.

**C.** có sự phát triển nhanh vượt bậc. **D.** áp dụng các thành tựu hiện đại.

**Câu 84:** Vị trí địa lí của nước ta

**A.** nằm trên vành đai sinh khoáng. **B.** ở trong vùng có nhiều thiên tai.

**C.** ở giữa trung tâm Đông Nam Á. **D.** hoàn toàn nằm ở vùng xích đạo.

**Câu 85:** Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay phát triển mạnh

**A.** đánh bắt cá, giao thông đường biển. **B.** khai thác gỗ quý, chăn nuôi bò sữa.

**C.** nuôi trồng thủy sản, trồng cây ôn đới. **D.** sản xuất muối, khai thác quặng bôxit.

**Câu 86:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biếttrung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Phúc Yên. **C.** Hạ Long. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 87:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết mũi Đại Lãnh thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bình Định. **B.** Ninh Thuận. **C.** Bình Thuận. **D.** Phú Yên.

**Câu 88:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Hà Tĩnh có khu kinh tế ven biển nào sau đây?

**A.** Nghi Sơn. **B.** Chân Mây - Lăng Cô. **C.** Vũng Áng. **D.** Hòn La.

**Câu 89:** Biện pháp mở rộng rừng đặc dụng ở nước ta là

**A.** lập vườn quốc gia. **B.** trồng rừng lấy gỗ. **C.** khai thác gỗ cũi. **D.** trồng rừng tre nứa.

**Câu 90:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Hòa Bình nằm trong lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Ba. **B.** Sông Mã. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Hồng.